|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **TRƯỜNG SƯ PHẠM**  **KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ** |  |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG**

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim Thi**

Chức danh, học hàm, học vị:GV, ThS

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0978.503.623 Email: [kimthi47@gmail.com](mailto:kimthi47@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính:Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp dạy học giáo dục chính trị

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Hoàng Thị Nga**

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0983.067.973 Email: [hoangnga@vinhuni.edu.vn](mailto:hoangnga@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp dạy học giáo dục chính trị.

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: **Bùi Thị Cần**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916.811.309 Email: [canbt@vinhuni.edu.vn](mailto:canbt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, các chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học

**Giảng viên 4:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim Chi**

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0973.966.995 Email: [kimchi11192@gmail.com](mailto:kimchi11192@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp dạy học giáo dục chính trị.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh phổ thông  (tiếng Anh): Life skills education for high school students | | |
| - Mã số học phần: **POL30051** | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục chính trị | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành    **Kiến thức ngành**  xx | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | **Tự chọn** | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
|  | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | |  |
| + Học phần học trước: | |  |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS  + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kĩ năng, phương pháp cơ bản nhằm giáo dục kĩ năng sống cho học sinh phổ thông. Từ đó giúp sinh viên tự tin tham gia dạy học kĩ năng sống tại các trưởng phổ thông.

**3. Mục tiêu học phần**

**-** Hiểu được kiến thức cơ bản về Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông

- Phân tích, lựa chọn được những nội dung, phương pháp, kĩ thuật dạy học cơ bản trong giáo dục kĩ năng sống cho học sinh phổ thông

- Hình thành được kĩ năng giải quyết vấn đề, hợp tác, làm việc nhóm

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.2 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO2.3 | PLO3.1 |
| 1.1.3 | 2.1.4 | 2.2.1 | 2.3.1 | 3.1.2 |
| CLO1.1 | 0.4 |  |  |  |  |
| CLO1.2 | 0.6 |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1.0 |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1.0 |  | 1.0 |
| CLO3.1 |  |  |  | 1.0 |  |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (PLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục  Hiểu được kiến thức cơ bản về Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông | Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm | Tự luận |
| CLO1.2 | K3 | Phân tích, lựa chọn, vận dụng được những nội dung, phương pháp, kĩ thuật dạy học cơ bản trong giáo dục kĩ năng sống cho học sinh phổ thông | Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm | Tự luận, quan sát |
| CLO2.1 | S4 | Thể hiện được ý thức tự học, tự rèn luyện; tự chủ, linh hoạt. | Thảo luận, làm việc nhóm | Tự luận, quan sát |
| CLO2.2 | S4 | Thực hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và giảng dạy; Phát triển kĩ năng làm việc nhóm, hợp tác nhóm, quản lý nhóm | Thảo luận, làm việc nhóm | Tự luận, quan sát |
| CLO3.1 | S3 | Sử dụng công nghệ thông tin hiện đại vào các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông | Thảo luận, làm việc nhóm | Tự luận, quan sát |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | | **50%** |
| A1.1 | Chuyên cần, thái độ học tập  Nghe bài giảng trên Elearning (Scosm) | - Rubric đánh giá số 1 | CLO 1.1 | 10% | 10% |
| A1.2 | Bài tập cá nhân  Nạp bài qua LMS;  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric đánh giá số 2 | CLO1.1  CLO1.2 | 20% | 20% |
| A1.3 | Kiểm tra vấn đáp  (Trực tiếp hoặc qua team)  GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric đánh giá số 3 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | 20% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kì** | | | | | **50%** |
| A.2.1 | Tự luận và thực hành  (Theo lịch của nhà trường)  GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric đánh giá số 4 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | 50% | 50% |
| **Công thức tính điểm học phần: (A1.1.\*1 + A1.2\*2 + A1.3\*3 +A2.1\*5)/10** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Bài đánh giá A1.1(đánh giá chuyên cần, thái độ)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |  |
| **A**  **(8,5 – 10 điểm)** | **B**  **(7-8,4 điểm)** | **C**  **(5,5-6,9 điểm)** | **D**  **(4-5,4 điểm)** | **F**  **(0-3,9 điểm)** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, thảo luận, thực hành; Nghe đầy đủ 100% các bài Scosm trên Elearning | Tham gia trên 80% các buổi học, 100% các buổi thảo luận, thực hành; Nghe trên 80% các bài Scosm trên Elearning | Tham gia 80% các buổi học, 100% các buổi thảo luận, thực hành. Nghe 80% các bài Scosm trên Elearning | Tham gia dưới 80% các buổi học, thảo luận, thực hành; Nghe dưới 80% các bài Scosm trên Elearning | Tham gia dưới 50% các buổi học, thảo luận, thực hành; Nghe dưới 50% các bài Scosm trên Elearning |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, hoạt động nhóm.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, thảo luận.  - Hoàn thành 80% các  bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học, hoạt động nhóm.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thiếu tính kỉ luật, bị động trong các giờ học, hoạt động nhóm.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học, hoạt động nhóm.  - Không hoàn thành các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |  |

***5.2.2. Rubric 2: Bài đánh giá A1.2 (Bài tập cá nhân)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
| **A**  **(8,5 – 10 điểm)** | **B**  **(7-8,4 điểm)** | **C**  **(5,5-6,9 điểm)** | **D**  **(4.0-5.4 điểm)** | **F**  **(0-3,9 điểm)** |
| (1) Hình thức  (2) Nội dung  (3) Phương thức trình bày | 1.1. Hình thức khoa học.  1.2. Nội dung liên quan đến giáo dục KNS cho HS phổ thông.  1.3. Đưa ra được những nhận định, nghiên cứu, ý kiến của cá nhân về giáo dục KNS cho HS phổ thông. | 1.1. Hình thức khoa học  1.2. Nội dung liên quan đến giáo dục KNS cho HS phổ thông.  1.3. Tìm và lựa chọn được các nhận định, nghiên cứu, ý kiến của cá nhân về giáo dục KNS cho HS phổ thông. | 1.1. Hình thức một vài nội dung chưa khoa học.  1.2. Nội dung liên quan đến giáo dục KNS cho HS phổ thông.  1.3. Tìm được các nhận định, nghiên cứu, ý kiến của cá nhân và nhóm về giáo dục KNS cho HS phổ thông. | 1.1. Hình thức không khoa học.  1.2. Nội dung liên quan đến giáo dục KNS cho HS phổ thông.  1.3. Không biết cách tìm kiếm nhận định, nghiên cứu, ý kiến về giáo dục KNS cho HS phổ thông. | 1.1. Hình thức không đúng qui định.  1.2. Nội dung không liên quan đến giáo dục KNS cho HS phổ thông.  1.3. Không biết cách tìm kiếm nhận định, nghiên cứu, ý kiến về giáo dục KNS cho HS phổ thông. |
| **Tổng điểm** |  |  |  |  |  |

***5.2.3. Rubric 3: Bài đánh giá A1.3 (Bài thi vấn đáp)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang đánh giá)** | | | | |
| **A**  **(8,5 – 10 điểm)** | **B**  **(7-8,4 điểm)** | **C**  **(5,5-6,9 điểm)** | **D**  **(4.0-5.4 điểm)** | **F**  **(0-3,9 điểm)** |
| **1. về kiến thức** | - Trả lời cực kỳ chính xác, đầy đủ các câu hỏi.  - Thể hiện sự nắm vững kiến thức sâu sắc, toàn diện về lý thuyết và thực tiễn GDKNS.  - Hiểu rõ bản chất vấn đề được hỏi.  - Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn một cách linh hoạt, sáng tạo để trả lời các câu hỏi tình huống /liên hệ thực tế/ mở rộng.  - Phân tích vấn đề sâu sắc, có lập luận chặt chẽ, thuyết phục. | - Trả lời chính xác, đầy đủ các ý chính của câu hỏi.  - Nắm vững kiến thức cơ bản của môn học.  - Vận dụng kiến thức để trả lời đúng trọng tâm câu hỏi vận dụng/tình huống  - Có khả năng phân tích vấn đề và liên kết các ý chính. | - Trả lời khá chính xác các ý cơ bản, nhưng có thể thiếu một số chi tiết hoặc chưa sâu sắc.  - Nắm kiến thức tương đối.  - Vận dụng kiến thức để trả lời được các câu hỏi cơ bản.  - Khả năng phân tích, liên kết còn hạn chế, lập luận chưa thật chặt chẽ.  - Chủ yếu nhắc lại kiến thức hơn là vận dụng sâu. | - Trả lời còn thiếu chính xác, chưa đầy đủ các ý quan trọng.  - Nắm kiến thức còn hạn chế, có thể hiểu sai ở vài điểm.  - Vận dụng kiến thức còn lúng túng, chỉ trả lời được một phần yêu cầu hoặc trả lời sai khi gặp câu hỏi vận dụng/tình huống.  - Khó liên hệ kiến thức. | - Trả lời sai lệch nghiêm trọng hoặc hoàn toàn không trả lời được.  - Hoàn toàn không nắm vững kiến thức hoặc hiểu sai bản chất vấn đề.  - Không vận dụng được kiến thức để trả lời câu hỏi vận dụng/tình huống.  - Không có khả năng phân tích hay lập luận.  - Không liên hệ được với thực tiễn. |
| 2. Trình bày | - Câu trả lời được tổ chức rất logic, có hệ thống, đi thẳng vào vấn đề.  - Diễn đạt trôi chảy, lưu loát, mạch lạc, dễ hiểu.  - Ngôn ngữ sử dụng chuẩn xác, chuyên nghiệp, tự tin. | - Câu trả lời logic, mạch lạc, dễ hiểu.  - Diễn đạt rõ ràng.  - Ngôn ngữ sử dụng chuẩn xác. | - Câu trả lời có logic cơ bản, tương đối mạch lạc.  - Diễn đạt rõ ý chính nhưng có thể còn lúng túng ở vài chỗ.  - Ngôn ngữ khá chuẩn xác, ít mắc lỗi dùng từ.  - Tương đối tự tin. | - Câu trả lời thiếu logic hoặc rời rạc.  - Diễn đạt lủng củng, khó hiểu.  - Ngôn ngữ chưa chuẩn xác, mắc lỗi dùng từ, ngữ pháp.  - Còn rụt rè, thiếu tự tin, ngại diễn đạt. | - Câu trả lời không có logic, rất lộn xộn hoặc im lặng.  - Diễn đạt không rõ ràng, không thể hiểu được.  - Ngôn ngữ sai nhiều, không chuẩn xác.  - Rất thiếu tự tin, căng thẳng, né tránh trả lời. |

***5.2.4. Rubric 4: Bài đánh giá A2.1 (Đánh giá việc xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hành tổ chức dạy học môn Giáo dục Kỹ năng sống cho học sinh phổ thông)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang đánh giá)** | | | | |
| **A**  **(8,5 – 10 điểm)** | **B**  **(7-8,4 điểm)** | **C**  **(5,5-6,9 điểm)** | **D**  **(4.0-5.4 điểm)** | **F**  **(0-3,9 điểm)** |
| **1. Xây dựng kế hoạch bài dạy môn giáo dục kỹ năng sống** | 1.1. Thể hiện đầy đủ mục tiêu, nội dung, yêu cầu, hình thức, đánh giá của hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  1.2. Kết cấu chặt chẽ, logic giữa các hoạt động.  2.1. Có tính mới (sáng tạo) trong thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  2.2. Phù hợp với đặc trưng môn học cụ thể trong nhà trường phổ thông.  3. Trình bày bằng word (có thể thuyết trình bằng PowerPint) không phụ thuộc vào tài liệu. | 1.1. Thể hiện được mục tiêu, nội dung, yêu cầu, hình thức, đánh giá của hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  1.2. Kết cấu hợp lý giữa các hoạt động.  2.1. Làm theo được những thiết kế mẫu.  2.2. Phù hợp với đặc trưng môn học cụ thể trong nhà trường phổ thông.  3. Trình bày bằng word (có thể thuyết trình bằng PowerPint) có sử dụng tài liệu. | 1.1. Thể hiện chưa đầy đủ mục tiêu, nội dung, yêu cầu, hình thức, đánh giá của hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  1.2. Kết cấu chưa hợp lý giữa một vài các hoạt động.  2.1. Tái hiện được những thiết kế mẫu.  2.2. Phù hợp với đặc trưng môn học cụ thể trong nhà trường phổ thông.  3. Trình bày bằng bản word, phụ thuộc vào tài liệu. | 1.1. Thể hiện chưa đầy đủ mục tiêu, nội dung, yêu cầu, hình thức, đánh giá của hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  1.2. Kết cấu chưa hợp lý giữa các hoạt động.  2.1. Tái hiện được những thiết kế mẫu.  2.2. Phù hợp với đặc trưng môn học cụ thể trong nhà trường phổ thông.  3. Trình bày bằng bản word, phụ thuộc vào tài liệu. | 1.1. Chưa thể hiện mục tiêu, nội dung, yêu cầu, hình thức, đánh giá của hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  1.2. Kết cấu không hợp lý giữa các hoạt động.  2.1. Chưa tái hiện được những thiết kế mẫu.  2.2. Không phù hợp với đặc trưng môn học cụ thể trong nhà trường phổ thông.  3. Trình bày bằng bản word, đọc nguyên bản tài liệu. |
| **2. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống** | 1.1. Bao quát và hình dung được toàn bộ quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  1.2. Thực hiện đúng tiến độ, phân bố thời gian hợp lý trong giới hạn cho phép.  1.3. Chuyển hóa được giáo án đã thiết kế một cách độc lập.  1.4. Xử lý được các tình huống phát sinh, có sự điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.  2.1. So sánh, nhận xét và tự đánh giá được kết quả so với mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần.  2.2. Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của người khác trong quá trình tổ chức hoạt động.  2.3. Rút ra được những bài học kinh nghiệm cho những lần đánh giá. | 1.1. Hình dung được toàn bộ quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  1.2. Thực hiện đúng tiến độ, phân bố thời gian hợp lý trong giới hạn cho phép.  1.3. Chuyển hóa được giáo án đã thiết kế.  1.4. Xử lý được các tình huống phát sinh, có sự điều chỉnh trong hoạt động nhưng chưa phù hợp với thực tế.  2.1. Tự đánh giá được kết quả so với mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần.  2.2. Đánh giá được hoạt động của người khác.  2.3. Rút ra được những bài học kinh nghiệm cho những lần đánh giá. | 1.1. Hình dung chưa rõ ràng về quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  1.2. Thực hiện đúng tiến độ, phân bố thời gian chưa hợp lý trong một số hoạt động nhất định.  1.3. Chuyển hóa được giáo án đã thiết kế.  1.4. Nhận biết được các tình huống phát sinh nhưng chưa có sự điều chỉnh trong hoạt động nhưng chưa phù hợp với thực tế.  2.1. Tự đánh giá được kết quả so với mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần.  2.2. Đánh giá được hoạt động của người khác.  2.3. Rút ra được những bài học kinh nghiệm cho những lần đánh giá. | 1.1. Hình dung chưa rõ ràng về quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong một số nội dung  1.2. Thực hiện chưa đúng tiến độ, phân bố thời gian chưa hợp lý trong một số hoạt động nhất định.  1.3. Chuyển hóa được giáo án đã thiết kế.  1.4. Nhận biết được các tình huống phát sinh nhưng chưa có sự điều chỉnh trong hoạt động nhưng chưa phù hợp với thực tế.  2.1. Chưa tự đánh giá được kết quả so với mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần.  2.2. Chưa tự đ ánh giá được hoạt động của người khác.  2.3. Rút ra được những bài học kinh nghiệm cho những lần đánh giá. | 1.1. Chưa hình dung được về quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  1.2. Thực hiện không đúng đúng tiến độ, thừa hoặc thiếu thời gian trong giới hạn.  1.3. Chuyển hóa không hết được giáo án đã thiết kế.  1.4. Không nhận biết được các tình huống phát sinh.  2.1. Không tự đánh giá được kết quả so với mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần.  2.2. Đánh giá hoạt động của người khác một cách cảm tính không có cơ sở khoa học.  2.3. Chưa rút ra được những bài học kinh nghiệm cho những lần đánh giá. |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình/sách***

- Nguyễn Công Khanh (Chủ biên) (2024*),**Phương pháp giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, (số tiết)** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | Chương 1: Những vấn đề chung về hoạt động giáo dục kĩ năng sống trong nhà trường phổ thông  1. Quan niệm chung về hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  2. Hoạt động giáo dục trải nghiệm trong nhà trường phổ thông  2.1. Đặc điểm chương trình hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  2.2. Quan điểm xây dựng chương trình. | 1. Giới thiệu kiến thức mới  2. Đọc tương tác mục 2.1.  3. Thảo luận nhóm mục 2.2 trên cơ sở bài luận trong phần tự học. | - Đọc tài liệu [1]  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A1.2 |
| 2 | Chương 1: Những vấn đề chung về hoạt động giáo dục kĩ năng sống trong nhà trường phổ thông  3. Cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông  3.1. Cơ sở lý luận  4. Tầm quan trọng của hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông | ***Lý thuyết***  1. Thảo luận nhóm nhỏ về cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động giáo dục kỹ năng sống với chủ đề do GV quyết định.  2. Giới thiệu tầm quan trọng của hoạt động giáo dục kỹ năng sống | 1. Thực hiện thảo luận nhóm nhỏ theo yêu cầu của GV.  2. Trên cơ sở kiến thức Tâm lý học và Giáo dục học xác định cơ sở lý luận của hoạt động giáo dục kỹ năng sống. | CLO1.1  CLO1.2 | A1.1  A1.2 |
| 3 | Chương 1: Những vấn đề chung về hoạt động giáo dục kĩ năng sống trong nhà trường phổ thông  **Thảo luận chương 1**  Chủ đề: Điều kiện để thực hiện chương trình hoạt động giáo dục kĩ năng sống ở trường phổ thông. | - Chia các nhóm theo yêu cầu của giảng viên.  - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm.  - Thảo luận.  - Giảng viên kết luận.  - GV cho điểm thảo luận (Hồ sơ học phần). | 1. Soạn câu hỏi thảo luận.  2. Đặt câu hỏi cho những vấn đề chưa rõ hoặc để tranh luận với các nhóm khác.  3. Quay 1 video clip về hoạt động giáo dục kỹ năng sống. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 |  |
| 4 | Chương 2: Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống trong nhà trường phổ thông  2.1. Nội dung hoạt động giáo dục kỹ năng sống  2.2. Nội dung  2.2.1. KN giải quyết vấn đề  2.2.2. KN tự nhận thức  2.2.3. KN làm chủ bản thân  2.2.4. KN kiểm soát cảm xúc  2.2.5. KN giao tiếp  2.2.6. Các KN khác | ***Lý thuyết***  1. GV yêu cầu sinh viên trình bày khái quát nội dung tự học hoặc trình chiếu bảng hệ thống giáo dục KNS của học sinh.  2. Gv giới thiệu các hoạt động cụ thể.  3. Chia nhóm với 4 hoạt động tương ứng. | 1. Thực hiện nhiệm vụ GV yêu cầu.  2. Hoạt động nhóm. | CLO1.1  CLO1.2 |  |
| 5 | Chương 2: Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống trong nhà trường phổ thông  3. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống  3.1. Hình thức tổ chức hoạt động có tính chất trải nghiệm  3.4. Hình thức tổ chức hoạt động có tính khám phá | 1. GV giảng hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  - Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, liên hệ thực tiễn kết hợp trình chiếu Slide, viết bảng. Chú trọng các câu hỏi gợi mở cho SV hiểu vấn đề.  - Khuyến khích, biểu dương, phát huy tính tích cực của SV.  2. Hoạt động nhóm: Lựa chọn các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống phù hợp với hoạt động khám phá và cống hiến. | SV nghiên cứu giáo trình từ trang .  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.  - Tập trung nghe giảng và ghi bài.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi.  - Tiến hành hoạt động nhóm nhỏ. | CLO1.1  CLO1.2 |  |
| 6 | Chương 2: Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống trong nhà trường phổ thông  4. Đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống  4.2. Nội dung  4.3. Phương pháp  4.4. Quy trình  4.5. Tiêu chí | ***Lý thuyết***  1. GV giảng nội dung đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.  - Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, liên hệ thực tiễn kết hợp trình chiếu Slide, viết bảng. Chú trọng các câu hỏi gợi mở cho SV hiểu vấn đề.  - Khuyến khích, biểu dương, phát huy tính tích cực của SV.  2. Hướng dẫn xác định các tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống. | SV nghiên cứu giáo trình từ trang .  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.  - Tập trung nghe giảng và ghi bài.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi.  - Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống đã thiết kế ở tuần số 7. | CLO1.1  CLO1.2 |  |
| 7 | Chương 2: Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống trong nhà trường phổ thông  **Thảo luận chương 2**  Khái quát sự phát triển của năng lực cần đạt trong hoạt động giáo dục kỹ năng sống cấp trung học phổ thông. | - Chia các nhóm theo yêu cầu của giảng viên.  - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm.  - Thảo luận.  - Giảng viên kết luận.  -GV cho điểm thảo luận (Hồ sơ HP) | 1. Soạn câu hỏi thảo luận.  2. Đặt câu hỏi cho những vấn đề chưa rõ hoặc để tranh luận với các nhóm khác. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3 |
| 8 | Chương 2: Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống trong nhà trường phổ thông  **Thực hành chương 2**  *Thiết kế 01 hoạt động giáo dục kỹ năng sống* cụ thể | Chia nhóm.  - GV chấm điểm thực hành (Hồ sơ học phần) | - Tổ chức nhóm.  - Tiến hành làm việc.  - Trình bày kết quả trước lớp | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3 |
| 9 | Chương 3: Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông  1. Yêu cầu chung về thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng sống học sinh  1.1. Đảm bảo khung logic của các hoạt động trong chủ đề  1.2. Đảm bảo sự trải nghiệm của học sinh | 1. Giới thiệu kiến thức mới  2. Đánh giá các hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong video theo những yêu cầu chung về hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  3. Sử dụng kết hợp phương pháp đàm thoại, thuyết trình để làm rõ cấu trúc chung của hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  4. Thảo luận cặp đôi với chủ đề do GV quyết định. | 1. SV thực hiện bài tập sau theo nhóm:  Xác định các giai đoạn cơ bản của một hoạt động giáo dục kỹ năng sống? | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.1  A1.2 |
| 10 | Chương 3: Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông  2. Thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng sống  2.1. Cấu trúc chung  2.1.1. Mục tiêu  2.1.2. Nội dung  2.1.3. Công tác chuẩn bị  2.1.4. Tổ chức hoạt động | ***Lý thuyết***  1. Giới thiệu kiến thức mới  2. Đánh giá các hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong video theo những yêu cầu chung về hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  3. Sử dụng kết hợp phương pháp đàm thoại, thuyết trình để làm rõ cấu trúc chung của hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  4. Thảo luận cặp đôi với chủ đề do GV quyết định. | 1. SV xác định các nội dung cụ thể trong chủ đề hoạt động sáng tạo.  2. Trả lời câu hỏi: Tại sao cần làm tốt công tác chuẩn bị cho việc tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh? | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.1  A1.2 |
| 11 | Chương 3: Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông  2. Thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng sống  2.1. Cấu trúc chung  2.1.5. Tổng kết và hướng dẫn học sinh học tập  2.1.6. Đánh giá kết quả hoạt động | 1. Giới thiệu kiến thức mới.  2. Hoạt động nhóm: Thiết kế 01 phiếu đánh giá cho hoạt động giáo dục kỹ năng sống trên 4 nội dung: Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ, Năng lực hướng tới. |  | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 12 | Chương 3: Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông  2. Thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng sống  2.2. Thiết kế  2.3. Tổ chức | 1. Giới thiệu kiến thức mới.  2. Giới thiệu mẫu thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng sống theo chủ đề.  3. Chiếu một video clip về hoạt động giáo dục kỹ năng sống của học sinh phổ thông. | 1. Sinh viên thảo luận nhóm nhỏ về mẫu thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng sống.  2. Trả lời các câu hỏi liên quan đến video clip về hoạt động giáo dục kỹ năng sống. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 13 | Chương 3: Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông  Thực hành thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh | Chủ đề: Xây dựng kế hoạch chi tiết cho 01 chủ đề trải nghiệm do GV quyết định.  - Chấm điểm thực hành 01. | Thực hành thiết kế 01 hoạt động giáo dục kỹ năng sống theo nhóm. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 14 | Chương 3: Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông  Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh | Chấm điểm thực hành 02 | 1. Thực hành tổ chức 01 hoạt động hoặc 01 chủ đề trải nghiệm (tùy thuộc vào điều kiện của lớp học) | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 15 | Chương 3: Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông  Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh | Chấm điểm thực hành 03 | 1. Thực hành tổ chức 01 hoạt động hoặc 01 chủ đề trải nghiệm (tùy thuộc vào điều kiện của lớp học) | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên**  **Nguyễn Thị Kim Thi** |
|  |  |  |